

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH THANH NHẠC

Mã ngành 7210205

Trình độ đại học

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1385/QĐ-NTT ngày 27 tháng 9 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2022

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
1.1 Giới thiệu chương trình đào tạo	5
1.2 Thông tin chung.....	5
1.3 Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường	6
1.3.1 Tầm nhìn	6
1.3.2 Sứ mạng	6
1.4 Triết lý giáo dục của Trường.....	7
1.5 Tầm nhìn, sứ mạng của Khoa/Viện.....	7
1.5.1 Tầm nhìn	8
1.5.2. Sứ mạng	8
1.6 Mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs).....	8
1.6.1 Mục tiêu chung.....	8
1.6.2 Mục tiêu cụ thể.....	8
1.7 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....	8
1.7.1 Chuẩn đầu ra	8
1.7.2 Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT	11
1.8 Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	12
1.8.1 Cơ hội việc làm	12
1.8.2 Cơ hội học tập, nâng cao trình độ	12
1.9 Các tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	12
1.9.1 Các tiêu chí tuyển sinh.....	12
1.9.2 Quá trình đào tạo.....	13
1.9.3 Điều kiện tốt nghiệp.....	13
1.10. Chiến lược giảng dạy - học tập	14
1.10.1 Các chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập.....	14
1.10.2 Liên hệ giữa chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	

1.11 Phương pháp đánh giá	18
1.11.1 Các phương pháp đánh giá.....	18
1.11.2 Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)	18
1.11.3 Hệ thống tính điểm.....	18
1.11.4 Mối liên hệ giữa các phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra CTĐT.....	19
1.12 Cơ chế kiểm soát việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT	21
1.13 Môi trường học tập	21
1.13.1 Các cơ sở đào tạo của Trường (Bảng 6)	21
<i>[Trường cung cấp các thông tin này]</i>	21
1.13.2 Các khu vực học tập và hệ thống phòng học (Bảng 7)	21
Bảng 7. Hệ thống phòng phục vụ đào tạo	22
1.13.3 Thông tin thư viện (Bảng 8).....	22
1.13.4 Hệ thống phòng thực hành phục vụ ngành học (Bảng 9)	23
1.13.5 Danh sách các phần mềm đào tạo sử dụng cho ngành học (Bảng 10).....	23
1.13.6 Cơ sở dữ liệu điện tử (Bảng 11).....	23
1.14 Dịch vụ hỗ trợ sinh viên (Bảng 12).....	24
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY	28
2.1 Tóm tắt cấu trúc chương trình giảng dạy	28
2.2 Danh sách các học phần (Bảng 15)	30
2.3 Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Bảng 16)	36
2.4 Sơ đồ hóa lộ trình học tập (Hình 1).....	42
2.5 Kế hoạch giảng dạy (Bảng 17).....	43
2.6 Mô tả tóm tắt nội dung các học phần/môn học	45
2.6.1 Các học phần thuộc khối kiến thức tổng quát.....	45
2.6.2 Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành	
2.6.3 Các học phần thuộc khối kiến thức ngành/ chuyên ngành/ cốt lõi ngành	
2.6.4 Các học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp.....	
3. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	55

3.1 Đối sánh chuẩn đầu ra (Bảng 18)	55
3.2 Đối sánh chương trình đào tạo	62
3.2.1 Đối sánh các chương trình đào tạo (Bảng 19)	62
3.2.2 Đối sánh cùng chương trình đào tạo với các phiên bản trước đó (Bảng 20) ...	64
4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	666
5. TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	666

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1 Giới thiệu chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: Vocal Music

+ Tên tiếng Việt: Thanh nhạc

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khóa học áp dụng: 2022

Thời gian đào tạo: 3 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Thanh nhạc

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Vocal music

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Âm nhạc – Điện ảnh

+ Địa chỉ văn phòng: 298A Nguyễn Tất Thành, Phường 13-Quận 4, TP.HCM

+ Điện thoại liên lạc: 19002039 – nội bộ 211

1.2 Thông tin chung

Các thông tin chung về chương trình đào tạo được thể hiện ở Bảng 1

Bảng 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên ngành đào tạo	Thanh nhạc
2. Trình độ đào tạo/ Bậc	Đại học
3. Văn bằng tốt nghiệp	Bằng Cử nhân
4. Loại hình đào tạo	Chính quy
5. Thời gian đào tạo (dự kiến)	3 năm
6. Số tín chỉ	130 (Chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)
7. Khóa áp dụng	Từ khóa: 2022
8. Ngôn ngữ	Việt Nam
9. Thông tin Khoa/Viện quản lý	- Tên Khoa/Viện quản lý: Âm nhạc – Điện ảnh - Địa chỉ: 298A Nguyễn Tất Thành, Phường 13-Quận 4, TP.HCM - Website:kan.ntt.edu.vn - Email, Số điện thoại: 19002039 – số nội bộ 211 - Facebook:khoaamnhacdienanhNTT

1.3 Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường

1.3.1 Tầm nhìn

Đến năm 2035, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trở thành đại học ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu trong và ngoài nước, đáp ứng cách mạng công nghiệp 4.0, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

1.3.2 Sứ mạng

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cung cấp nguồn nhân lực có năng lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hội nhập, có sức cạnh tranh cao trong thị trường lao động trong và ngoài nước thông qua hoạt động đào tạo, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu.

1.3.3 Mục tiêu chiến lược

Đến năm 2035, Trường ĐH NTT trở thành Đại học ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu trong và ngoài nước, đáp ứng cách mạng công nghiệp 4.0, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

Sứ mạng hiện tại của Nhà trường được xác định:

Trường ĐH NTT cung cấp nguồn nhân lực có năng lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hội nhập, có sức cạnh tranh cao trong thị trường lao động trong và ngoài nước thông qua hoạt động đào tạo, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu.

Giá trị cốt lõi

- Đoàn kết (một tập thể thống nhất hoạt động vì mục tiêu chung)
- Hội nhập (với chuẩn trong nước, khu vực, và thế giới);
- Năng động (trong học tập, nghiên cứu, và làm việc);
- Trí tuệ (với tâm trong, trí sáng, xử trí mọi vấn đề thông minh);
- Trách nhiệm (với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội, và quốc tế).

Chiến lược ĐBCL của Trường ĐH NTT gồm các mục tiêu sau:

Mục tiêu 1: Cải tiến hệ thống quản lý chất lượng tổng thể;

Mục tiêu 2: Nghiên cứu nội bộ (Institutional research) nhằm thúc đẩy quá trình ra quyết định về đảm bảo chất lượng dựa trên dữ liệu;

Mục tiêu 3: Kiểm định chất lượng giáo dục đạt chuẩn theo các Bộ tiêu chuẩn trong nước, khu vực;

Mục tiêu 4: Khẳng định vị thế của Nhà trường trong nước, khu vực, quốc tế thông qua hoạt động gắn sao, và xếp hạng.

1.4 Triết lý giáo dục của Trường

- Nhà trường theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, từ đó nêu ra triết lý giáo dục của trường là “Thực học - Thực hành - Thực danh - Thực nghiệp”.

+ **A**: Thực học: Người học hình thành năng lực thông qua môi trường học thuật được tạo lập và gắn kết với doanh nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phục vụ cộng đồng.

+ **B**: Thực hành: Người học được ứng dụng kiến thức và phát triển kỹ năng thông qua quá trình trải nghiệm thực tiễn trong môi trường doanh nghiệp.

+ **C**: Thực danh: Người học khẳng định bản thân, hình ảnh nhân cách và đạo đức nghề nghiệp, góp phần nâng cao thương hiệu của Nhà trường.

+ **D**: Thực nghiệp: Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên phát triển nghề nghiệp và thăng tiến.

- Triết lý giáo dục của Trường được chuyển tải cụ thể vào CTĐT ngành Thanh nhạc được thể hiện tại Bảng 2.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa Triết lý giáo dục với chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc

Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc		Triết lý giáo dục của Trường			
		A	B	C	D
Khối kiến thức tổng quát	Giáo dục đại cương	x	x	x	
	Khoa học cơ bản	x	x	x	
Khối kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x
Khối kiến thức ngành/ chuyên ngành/ cốt lõi/ chuyên sâu		x	x	x	x
Khối kiến thức tốt nghiệp		x	x	x	x

1.5 Tầm nhìn, sứ mạng của Khoa Âm nhạc – Điện ảnh

1.5.1 Tầm nhìn

Khoa Âm nhạc của Đại học Nguyễn Tất Thành phải phát triển và trở thành cơ sở đào tạo uy tín, ứng dụng và chất lượng của khu vực phía Nam trong lĩnh vực Thanh nhạc nói riêng và ngành Âm nhạc nói chung

Đào tạo những ca sĩ chuyên nghiệp để phục vụ đất nước và hội nhập quốc tế.

1.5.2. Sứ mạng

Khoa Âm nhạc phát triển định hướng theo chiến lược phát triển của trường Đại học Nguyễn Tất Thành là trở thành trường Đại học ứng dụng với phương châm đào tạo “Thực học, thực hành, thực danh và thực nghiệp”. Chính vì vậy quá trình đào tạo của khoa phải luôn “học đi đôi với ứng dụng” để kết quả khi Tốt nghiệp Đại học Nguyễn Tất Thành các ca sĩ, giảng viên tương lai đạt được yêu cầu của xã hội và có cơ hội việc làm đạt 99%.

1.6 Mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs)

1.6.1 Mục tiêu chung

Khoa Âm nhạc – Điện ảnh mục tiêu đào tạo Sinh viên sau khi tốt nghiệp:

- Trở thành nghệ sĩ biểu diễn độc lập hoặc trong các nhà hát, các cơ sở hoạt động nghệ thuật, âm nhạc (các đoàn nghệ thuật, cơ sở văn hóa, nhà văn hóa, đài phát thanh, truyền hình, ...).
- Có khả năng làm việc và giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp thuộc lĩnh vực âm nhạc, văn hóa, nghệ thuật, các trung tâm đào tạo âm nhạc, các trường phổ thông trong khu vực và cả nước.
- Có khả năng làm việc tại các viện, trung tâm nghiên cứu âm nhạc, nghệ thuật, văn hóa.
- Tư vấn và tổ chức các chương trình, tham gia liên hoan văn nghệ ở các đơn vị, cơ sở, ...

1.6.2 Mục tiêu cụ thể

- PEO1: Chương trình đào tạo Thanh nhạc trình độ đại học nhằm đào tạo ra cử nhân Thanh nhạc có kiến thức, năng lực nghề nghiệp tương xứng với trình độ đại học.
- PEO2: Nâng cao kỹ năng biểu diễn nghệ thuật sau khi tốt nghiệp.
- PEO3: Mang lại giá trị của tri thức và sự giải trí lành mạnh.
- PEO4: Đào tạo nghệ sĩ chuyên nghiệp.

1.7 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

1.7.1 Chuẩn đầu ra

Sinh viên tốt nghiệp ngành **Thanh nhạc** có thể:

Chuẩn đầu ra – PLOs ngành Thanh nhạc		Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện – PPCs	
2.2.1. Kiến thức			
Kiến thức tổng quát			
PLO1 (K1)	Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, công nghệ, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành Thanh nhạc	PPC-K1.1	Vận dụng kiến thức khoa học xã hội vào việc giải quyết các vấn đề của ngành
		PPC-K1.2	Vận dụng kiến thức công nghệ vào việc giải quyết các vấn đề của ngành
		PPC-K1.3	Vận dụng kiến thức về chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào việc giải quyết các vấn đề của ngành
Kiến thức chuyên môn			
PLO2 (K2)	Phân tích được các thể loại Âm nhạc, thị trường Âm nhạc một cách dễ dàng.	PPC-K2.1	Tìm hiểu thị trường Âm nhạc hiện nay để có hướng đi đúng đắn.
		PPC-K2.2	Hiểu biết về các thể loại Âm nhạc để kết hợp trong quá trình thực hiện.
		PPC-K2.3	Thực hiện các dự án âm nhạc nhỏ để từng bước hình thành phong cách.
PLO3 (K3)	Sáng tạo những động tác mới trong các buổi biểu diễn nhằm đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ và truyền thông trong Âm nhạc.	PPC-K3.1	Sáng tạo từ những cái cũ nhưng không sao chép và vi phạm bản quyền, phù hợp với năng lực thẩm mỹ.
		PPC-K3.2	Dàn dựng các buổi biểu diễn một cách hoàn hảo.

PLO4 (K4)	Áp dụng kiến thức cơ bản về Âm nhạc, cách truyền tải thông tin qua tác phẩm, dễ dàng xử lý, đánh giá kết quả một cách đầy đủ và chính xác sau mỗi học kỳ chuyên môn.	PPC-K4.1	Vận dụng kiến thức Âm nhạc vào xử lý tác phẩm
		PPC-K4.2	Đánh giá một cách đầy đủ và chính xác sau mỗi học kỳ chuyên môn và kỳ thi tốt nghiệp từ hội đồng chuyên môn.
2.2.2. Kỹ năng			
Kỹ năng tổng quát			
PLO5 (S1)	Giao tiếp trong đa dạng bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau một cách linh hoạt	PPC-S1.1	Giao tiếp bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện
		PPC-S1.2	Ứng xử với cá nhân, tổ chức liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt văn hóa
Kỹ năng chuyên môn			
PLO6 (S2)	Sáng tạo trong phong cách và kỹ năng biểu diễn sân khấu đạt hiệu quả cao.	PPC-S2.1	Sáng tạo trong ca từ, xử lý tác phẩm, phong cách và kỹ năng biểu diễn sân khấu.
		PPC-S2.2	Thể hiện sự tự tin và bản lĩnh trong từng tác phẩm Âm nhạc
PLO7 (S3)	Lập kế hoạch làm việc cá nhân, làm việc nhóm một cách khoa học.	PPC-S3.1	Xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp giữa các thành viên trong nhóm
		PPC-S3.2	Có tinh thần đồng đội, hỗ trợ và hòa đồng
		PPC-S3.3	Thích nghi trong mọi hoàn cảnh vì đặc thù ngành nghề
PLO8 (S4)	Hoàn thành các tác phẩm Thanh nhạc theo yêu cầu chuyên môn của từng học kỳ đề ra.	PPC-S4.1	Xây dựng tiết mục hoàn chỉnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên
		PPC-S4.2	Nỗ lực luyện tập để hoàn thành tác phẩm và đạt kết quả cao trong từng học kỳ

PLO9 (S5)	Kết hợp với các loại nhạc cụ để tạo ra những tác phẩm Thanh nhạc hoàn chỉnh nhằm đem lại sự giải trí lành mạnh.	PPC-S5.1	Sử dụng các loại nhạc cụ một cách dễ dàng
		PPC-S5.2	Tạo ra những tác phẩm Thanh nhạc có giá trị giải trí lành mạnh
PLO10 (S6)	Tham gia hoạt động nghệ thuật tích cực với sự đam mê, chủ động và luôn tự tin trên con đường biến ước mơ thành hiện thực.	PPC-S6.1	Nhiệt tình tham gia các hoạt động nghệ thuật trong và ngoài nước
		PPC-S6.2	Cập nhật cái mới để nâng cao bản thân đem lại nhiều đóng góp tích cực trong lĩnh vực Âm nhạc
		PPC-S6.3	Định hình phong cách riêng để biến ước mơ thành hiện thực
2.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
Mức độ tự chủ và trách nhiệm chung			
PLO11 (A1)	Tuân thủ pháp luật và các chuẩn mực đạo đức trong các tình huống kỹ thuật phù hợp với bối cảnh thực tế.	PPC-A1.1	Thực hiện tốt các chuẩn mực đạo đức cá nhân trong nghề nghiệp và xã hội, không đạo nhac và vi phạm luật sở hữu trí tuệ trong Âm nhạc.
		PPC-A1.2	Tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ nghề nghiệp của bản thân đối với cộng đồng. Trung thực, khách quan trong công việc.
PLO12 (A2)	Thích ứng với sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.	PPC-A2.1	Xác định năng lực của bản thân trong nhiều bối cảnh nghề nghiệp
		PPC-A2.2	Chủ động tham gia học tập, bồi dưỡng kiến thức để đáp ứng yêu cầu công việc
		PPC-A2.3	Đề ra các ý tưởng khởi nghiệp

1.7.2 Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được thể hiện tại Bảng 3.

Bảng 3. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CĐR của CTĐT (PLOs)	Mục tiêu CTĐT(PEO2)			
	PEO1	PEO2	PEO3	PEO4
PLO1	x			x
PLO2	x		x	x
PLO3	x			x
PLO4		x		x
PLO5	x	x		x
PLO6	x		x	x
PLO7		x		x
PLO8	x	x		x
PLO9			x	x
PLO10	x		x	x
PLO11	x	x	x	x
PLO12	x			x

1.8 Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

1.8.1 Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo **Thanh nhạc** có thể đảm nhận các công việc:

1. Trở thành nghệ sĩ biểu diễn độc lập hoặc trong các nhà hát, các cơ sở hoạt động nghệ thuật, âm nhạc (các đoàn nghệ thuật, cơ sở văn hóa, nhà văn hóa, đài phát thanh, truyền hình, ...).
2. Có khả năng làm việc và giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp thuộc lĩnh vực âm nhạc, văn hóa, nghệ thuật, các trung tâm đào tạo âm nhạc, các trường phổ thông trong khu vực và cả nước.
3. Có khả năng làm việc tại các viện, trung tâm nghiên cứu âm nhạc, nghệ thuật, văn hóa.
4. Tư vấn và tổ chức các chương trình, tham gia liên hoan văn nghệ ở các đơn vị, cơ sở, ...

1.8.2 Cơ hội học tập, nâng cao trình độ

Sinh viên có thể học Cao học các ngành thuộc lĩnh vực âm nhạc

1.9 Các tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.9.1 Các tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD&ĐT
- Tiêu chí tuyển sinh, tổ hợp môn tuyển:
 - Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022 theo tổ hợp môn.
 - Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:
 - Tổng ĐTB 1 HK lớp 10+ ĐTB 1 HK lớp 11+ ĐTB 1 HK lớp 12 đạt từ 18 trở lên (được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học)
 - Tổng ĐTB 5 HK: ĐTB_HK1 lớp 10+ ĐTB_HK2 lớp 10+ ĐTB_HK1 lớp 11+ ĐTB_HK2 lớp 11+ ĐTB_HK1 lớp 12 đạt từ 30 trở lên.
 - Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.
 - Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.
 - Tổ hợp xét tuyển ngành Thanh nhạc là N01 gồm có Ngữ văn, Kiến thức tổng hợp về âm nhạc, Năng khiếu (Hát)
 - Phương thức 3: Xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP HCM từ 550 điểm trở lên.
 - Phương thức 4: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.
 - **Ngành Thanh nhạc tổ chức thi tuyển sinh năng khiếu với 2 nội dung: Kiến thức tổng hợp âm nhạc và chuyên môn (hát).**

1.9.2 Quá trình đào tạo

Kiến thức toàn khóa học: **130 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)**

Trong đó:

- Kiến thức đại cương:	13 tín chỉ	Tỉ lệ: 10 %
- Kiến thức khoa học cơ bản:	20 tín chỉ	Tỉ lệ: 15.38 %
- Kiến thức cơ sở ngành:	34 tín chỉ	Tỉ lệ: 26.15 %
- Kiến thức cốt lõi ngành:	50 tín chỉ	Tỉ lệ: 38.48 %
- Thực tập và trải nghiệm:	6 tín chỉ	Tỉ lệ: 4.61 %
- Đồ án / Khóa luận tốt nghiệp:	7 tín chỉ	Tỉ lệ: 5.38 %

1.9.3 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần (HP), số tín chỉ quy định;

- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ:
 - + *Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (đối với các CTĐT đào tạo cấp bằng cử nhân);*
- Đạt chứng chỉ Tin học văn phòng (MOS) về các nội dung *Word (W)*.
- Đạt các chứng chỉ kỹ năng nghề: Kỹ năng giải quyết vấn đề, Kỹ năng soạn thảo văn bản, Kỹ năng quản lý thời gian và Kỹ năng tìm kiếm công việc.

1.10. Chiến lược giảng dạy - học tập

Giảng viên chuẩn bị chiến lược và phương pháp dạy học phù hợp theo từng nội dung, từng học phần và từng đối tượng người học. Giảng viên có thể lựa chọn, kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học.

1.10.1 Các chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập

Hoạt động dạy - học được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và các mức tự chủ & trách nhiệm.

Chiến lược dạy học trực tiếp

- a. **Phương pháp dạy thực hành:** giáo viên làm mẫu và sinh viên làm theo. Thực hiện động tác trực tiếp và thực hành tại chỗ. Môn đặc thù biểu diễn là sinh viên thực hành tại phòng tập hoặc biểu diễn tại sân khấu. Chuyên ngành Thanh nhạc thì giáo viên chỉ cách lấy hơi như thế nào, khẩu hình hát ra sao và phong cách biểu diễn trên sân khấu.
- b. **Tham luận (Guest lecture):** Mời các nghệ sĩ về giảng dạy hoặc tổ chức hội thảo để sinh viên có cơ hội giao lưu, học hỏi. Trong khoa cũng tổ chức các hội thảo nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, giúp sinh viên đạt được những mục tiêu cụ thể của chuyên ngành được học. Sinh viên được tiếp cận với cái mới và học được rất nhiều từ các chuyên gia hoặc nghệ sĩ nổi tiếng trong lĩnh vực Âm nhạc.

Chiến lược học trải nghiệm.

- a. **Thực tập, thực tế (Field Trip):** Thông qua các buổi biểu diễn tại trường cũng như bên ngoài thì sinh viên có thêm nhiều kỹ năng biểu diễn sân khấu. Sinh viên được trải nghiệm và ứng dụng kiến thức được học để có thể dạy học hoặc biểu diễn nhiều sân khấu khác nhau. Phương pháp này không những giúp sinh viên nâng cao kỹ năng biểu diễn, tự tin, sáng tạo mà còn là trải nghiệm thực tế giúp sinh viên tự tin sau khi tốt nghiệp.
- b. **Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team):** Sinh viên được khuyến khích tham gia vào nhóm nhạc, giảng dạy và chơi band nhằm nâng cao kỹ năng biểu diễn và có phương pháp giảng dạy. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

Chiến lược dạy học tương tác

- a. **Tranh luận (Debates):** Đây là một trong những trường hợp xảy ra thường xuyên trong nghệ thuật Âm nhạc với nhiều quan điểm khác nhau. Giáo viên và sinh viên có thể tranh luận về những vấn đề như dòng nhạc nhẹ, nhạc cổ điển, nhạc Việt nam, nhạc nước ngoài. Phong cách nhạc sĩ này, nhạc sĩ kia. Nhảy hiện đại hay múa đương đại.
- b. **Thảo luận (Discussion):** Phương pháp này thường được áp dụng trong các buổi hội thảo chuyên đề về Âm nhạc. Chẳng hạn các giảng viên cùng thảo luận một vấn đề nào đó trong Thanh nhạc như giọng thật, mix voice, giọng mũi, cách xử lý âm thanh, xử lý khi hát note cao. Nhằm mục đích học hỏi lẫn nhau và hỗ trợ để nâng cao chất lượng giảng dạy chuyên ngành.
- c. **Học nhóm (Peer Learning):** Sinh viên chuyên ngành Thanh nhạc học nhóm chủ yếu để tập bài vũ đạo, tập bè, hát tập ca, hát hợp xướng. Học nhóm giúp các bạn hiểu nhau hơn và cùng nhau tiến bộ.

Chiến lược tự học

- a. **Bài tập ở nhà (Work Assignment):** Học Thanh nhạc chủ yếu là luyện tập tại nhà thông qua các kỹ thuật cơ bản mà giáo viên đã hướng dẫn. Các môn kiến thức thì cần tìm hiểu trên các trang mạng về các loại nhạc cụ, lịch sử tác giả tác phẩm, môn chuyên ngành thì cần biết cách lấy hơi, thuộc lời, phát âm chuẩn. Nên nghe

nhạc có chất lượng cao để học hỏi kỹ thuật cũng như phong cách của những nghệ sĩ lớn.

1.10.2 Liên hệ giữa chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Liên hệ giữa chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập nêu trên giúp người học đạt CĐR của CTĐT ngành **Thanh nhạc** thể hiện tại Bảng 4.

Bảng 4. Mối liên hệ giữa chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập với CĐR của CTĐT ngành **Thanh nhạc**

	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
Chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập												
Chiến lược dạy học trực tiếp												
- Phương pháp dạy thực hành			x				x	x	x			x
- Phương pháp tham luận	x				x					x	x	
Chiến lược dạy học trải nghiệm												
- Thực tập, thực tế				x	x	x		x				
- Nhóm nghiên cứu giảng dạy	x	x		x	x		x	x	x			x
Chiến lược dạy học tương tác												
- Tranh luận	x				x					x	x	x
- Thảo luận		x	x			x		x			x	
- Học nhóm				x			x			x		x
Chiến lược tự học												
- Bài tập ở nhà		x	x	x	x		x	x	x	x		x

1.11 Phương pháp đánh giá

1.11.1 Các phương pháp đánh giá

a. Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)

- Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)
- Đánh giá bài tập (Work Assignment)
- Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

b. Đánh giá tổng kết/ định kỳ (Summative Assessment)

- Kiểm tra viết (Written Exam)
- Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)
- Thi vấn đáp (Oral Exam)
- Thi thực hành (Practice Exam)
- Đánh giá thực hành (Oral Presentaion)
- Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)

1.11.2 Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo. Một số mẫu Rubrics đánh giá có thể tham khảo tại Quyết định số 761/QĐ-NTT ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng ban hành Quy định về đảm bảo chất lượng công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập người học.

1.11.3 Hệ thống tính điểm

a) Điểm đánh giá bộ phận và điểm kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

b) Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được nêu tại điểm b₄) khoản này.

b₁) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10

B: từ 7,0 đến 8,4

C: từ 5,5 đến 6,9

D: từ 4,0 đến 5,4

b2) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

b3) Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

b4) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

1.11.4 Mối liên hệ giữa các phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra CTĐT

Liên hệ giữa các phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra của CTĐT ngành **Thanh nhạc** được thể hiện tại Bảng 5.

Bảng 5. Mối liên hệ giữa các phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc

STT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)															
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12				
I	Đánh giá tiến trình																
1	Đánh giá chuyên cần	x	x		x	x											x
2	Đánh giá bài tập		x	x	x		x										
3	Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x								x			x	
II	Đánh giá tổng kết																
1	Kiểm tra viết	x														x	
2	Kiểm tra trắc nghiệm		x			x									x		
3	Thi vấn đáp	x	x													x	
4	Thi thực hành														x		
5	Đánh giá thực hành																
6	Đánh giá làm việc nhóm	x														x	

1.12 Cơ chế kiểm soát việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT

Hoạt động của sinh viên Âm nhạc là các buổi biểu diễn cuối kỳ, sự kiện của trường và tham gia biểu diễn bên ngoài.

1.13 Môi trường học tập

1.13.1 Các cơ sở đào tạo của Trường (Bảng 6)

Bảng 6. Diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên, địa chỉ cơ sở	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính 300A Nguyễn Tất Thành	8,634
2	298A Nguyễn Tất Thành	7,928
3	27A Nguyễn Oanh	1,296
4	331 - An Phú Đông Q.12	31,082
5	1165- An Phú Đông Q.12	9,286
6	Cơ sở Quận 7 458/3F Nguyễn Hữu Thọ	7,913
7	38 Tôn Thất Thuyết	3,015.00
8	Cơ sở bệnh viện nhi đồng II	144
9	Cơ sở 109, Đường Võ Thị Thừa, khu phố 3, phường An Phú Đông, quận 12	1,040
10	Bệnh viện Quân y 175	668.00
11	Bệnh viện 1A.	546.00
12	Cơ sở Nguyễn Lương Bằng	332.10
13	Cơ sở Hoàng Diệu	360.19
14	Trung tâm phát triển CNC ĐH Nguyễn Tất Thành Khối N1:	15,820

1.13.2 Các khu vực học tập và hệ thống phòng học (Bảng 7)

Bảng 7. Hệ thống phòng phục vụ đào tạo

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	297	22656 m ²	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	6	5938 m ²	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	8	5,015 m ²	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	142	13,294 m ²	
1.4	Phòng học dưới 50 chỗ	136	6,227 m ²	
1.5	Phòng học đa phương tiện	34	2,589 m ²	
1.6	Phòng máy tính	19	1,007 m ²	
1.7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	136	5,158 m ²	
2	Phòng chức năng			
2.1	Xưởng, phòng thực hành, thực tập, luyện tập	88	8,225 m ²	
2.2	Phòng thí nghiệm/thực nghiệm	55	5,583 m ²	
2.3	Phòng tập thể thao đa năng	2	345 m ²	
2.4	Văn phòng làm việc	100	3,416 m ²	
3	Các khu vực khác			
3.1	Ký túc xá	62	3,378 m ²	
3.2	Sân vận động	1	1,250 m ²	

1.13.3 Thông tin thư viện (Bảng 8)

Bảng 8. Thông tin thư viện

STT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
1	Phòng đọc sách		4,814 m ²	
2	Phòng nghiên cứu			
3	Phòng hội nghị			
4	Phòng tập gym			
5	Khu tự học			
6	Phòng học nhóm			

STT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
7	Nhà sách			
8	Phòng đa phương tiện			
9	Phòng nghiên cứu khoa học			
10	Văn phòng thư viện			
11	Kho			

1.13.4 Hệ thống phòng thực hành phục vụ ngành học (Bảng 9)

Bảng 9. Hệ thống phòng thực hành phục vụ ngành **Thanh nhạc**

TT	Tên phòng	Chức năng	Học phần sử dụng
1	Phòng tập D106 & C207	Học các môn thực hành, thi giữa kỳ và cuối kỳ	Vũ đạo, kỹ thuật diễn viên, các lớp tập thể
2	Phòng học chuyên ngành gồm có: C205A,B,C +C209A,B,C + C206C,D,E	Giảng dạy chuyên môn (học cá nhân)	Chuyên ngành Thanh nhạc, Piano
3	Phòng thực hành D107	Dành cho các lớp Piano cá nhân, lớp tập thể Piano và hòa tấu 4 tay	Piano, đệm, piano ứng dụng, hòa tấu thính phòng, thính tấu
4	Phòng C210	Phòng học các môn lý thuyết kết hợp thực hành	Tin học chuyên ngành Âm nhạc, phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Âm nhạc, Lịch sử VN, Lịch sử phương tây, phương đông, Anh văn chuyên ngành,...

1.13.5 Danh sách các phần mềm đào tạo sử dụng cho ngành học (Bảng 10)

Bảng 10. Phần mềm đào tạo sử dụng cho ngành **Thanh nhạc**

TT	Tên phần mềm	Học phần sử dụng
1	Phần mềm chép nhạc, soạn nhạc, sáng tác	Tin học chuyên ngành Âm nhạc
2	Phần mềm chỉnh, cắt ghép nhạc	Thanh nhạc

1.13.6 Cơ sở dữ liệu điện tử (Bảng 11)

Bảng 11. Cơ sở dữ liệu điện tử

TT	Cơ sở dữ liệu	Hướng dẫn đăng nhập
1	ProQuest	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
2	SpringerLink	Đăng nhập tài khoản
3	IEEE Xplore	Đăng nhập tài khoản
4	ScienceDirect	Đăng nhập tài khoản
5	Scopus	Đăng nhập tài khoản
6	SAGE e-Journals Collection	Đăng nhập tài khoản
7	Emerald e-Journals Collection	Đăng nhập tài khoản
8	Springer Nature	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
9	IG Publishing eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
10	Directory of Open Access Book	Truy cập không cần đăng nhập
11	Directory of Open Access Journal	Truy cập không cần đăng nhập
12	Open Textbook Library	Truy cập không cần đăng nhập
13	BCCampus Open Textbook	Truy cập không cần đăng nhập
14	Credo Reference	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
15	Spinger eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
16	Elsevier eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
17	Bộ Cơ sở dữ liệu Kinh tế - Tài chính – Vĩ mô của FiinPro (Gồm dữ liệu của 3200 doanh nghiệp, trong đó có 1700 doanh nghiệp đã niêm yết, 1500 doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết)	Truy cập tại NTTU

1.14 Dịch vụ hỗ trợ sinh viên (Bảng 12)

Bảng 12. Thông tin dịch vụ hỗ trợ sinh viên

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
1	Học thuật	Phòng Quản lý đào tạo cung cấp thông tin về CTĐT, quy chế đào tạo; Hỗ trợ đăng ký học, cung cấp thời khóa biểu, lịch thi; Lưu trữ, quản lý và bảo mật kết quả học tập của sinh viên và cung cấp bảng điểm cho sinh viên; Cảnh báo học vụ khi sinh viên có kết quả học tập kém, đăng ký học phần quá ít, có nguy cơ không thể tốt nghiệp,	Cung cấp thông tin về CTĐT, đề cương chi tiết học phần, quy chế đào tạo; Hỗ trợ đăng ký học phần, cung cấp thời khóa biểu, lịch thi; Lưu trữ, quản lý và bảo mật kết quả học tập của sinh viên và cung cấp bảng điểm cho sinh viên; Tur vấn cho sinh viên về việc

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
		không thể tốt nghiệp đúng hạn; Cấp bằng cho sinh viên tốt nghiệp;	học, định hướng nghề nghiệp, các vấn đề và khó khăn trong cuộc sống; Theo dõi tình hình học tập của sinh viên và thông báo đến sinh viên các vấn đề liên quan; Hướng dẫn sinh viên liên hệ các đơn vị chức năng để giải quyết các vấn đề liên quan;
		Phòng Khoa học công nghệ Hỗ trợ sinh viên đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học; Giới thiệu cho sinh viên các cơ hội và quỹ tài trợ cho các dự án nghiên cứu khoa học; Hướng dẫn cách thức công bố các công trình nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế;	Tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học; Thông báo, giới thiệu cho sinh viên các cơ hội và quỹ tài trợ cho các dự án nghiên cứu khoa học; Tổ chức các buổi hội thảo công bố các công trình nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế
		Phòng Công tác sinh viên Ban hành và phổ biến Sổ tay sinh viên; Quản lý các câu lạc bộ, đội, nhóm học thuật và phi học thuật; Chủ trì/ phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục tuyên truyền dành cho SV.	Thành lập các câu lạc bộ hội nhóm để tăng các phong trào học thuật, văn hóa, nghệ thuật và thể thao...cho sinh viên Ban hành các văn bản hướng dẫn và quy chế nội bộ cho việc học tập của sinh viên
		Viện đào tạo elearning Xây dựng học liệu điện tử cho các học phần nhằm phục vụ nhu cầu học tập trực tuyến mọi lúc mọi nơi của Sinh viên; Xây dựng, quản trị và vận hành hệ thống học tập trực tuyến tạo môi trường học tập trực tuyến cho sinh viên; Xây dựng và triển khai các tài liệu hướng dẫn sinh viên tham gia học tập trực tuyến; Hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố cho sinh viên trong quá trình sinh viên học tập trực tuyến;	Xây dựng hệ thống thư viện, tài liệu học tập của khoa và giúp sinh viên dễ dàng truy cập và sử dụng, phục vụ cho mục đích học tập Theo dõi và hỗ trợ sát sao sinh viên trong quá trình học tập trực tuyến. Tổ chức dạy học trực tuyến đối với những môn học đặc thù.

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
		<p>Tiếp nhận thông tin và phản ánh của Sinh viên về hệ thống học tập trực tuyến cũng như các vấn đề liên quan trong quá trình sinh viên học tập trực tuyến;</p> <p>Hướng dẫn sinh viên về kỹ thuật học tập trực tuyến;</p> <p>Hỗ trợ sinh viên trong quá trình sinh viên học tập trực tuyến.</p>	
2	Tài chính và học bổng	Phòng Công tác sinh viên Hỗ trợ sinh viên các thủ tục về miễn giảm học phí, xác nhận sinh viên để vay vốn ngân hàng, cấp học bổng dành cho sinh viên theo quy định.	Giới thiệu cho sinh viên các chính sách về học phí và học bổng của nhà trường
3	Định hướng nghề nghiệp và khởi nghiệp	Phòng Quan hệ doanh nghiệp và việc làm sinh viên Hỗ trợ sinh viên tìm việc làm và kết nối với doanh nghiệp; Tổ chức các ngày hội tuyển dụng; Tìm kiếm các đơn vị tài trợ học bổng cho sinh viên; Tổ chức các khóa học khởi nghiệp, các cuộc thi khởi nghiệp, hỗ trợ sinh viên tham gia các dự án khởi nghiệp.	Hỗ trợ sinh viên tìm việc làm và kết nối với doanh nghiệp; Tìm kiếm các đơn vị tài trợ học bổng cho sinh viên; Tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp cho sinh viên.
4	Ký túc xá	Trung tâm dịch vụ và quản lý KTX phụ trách tiếp nhận và quản lý SV đăng ký ở tại KTX trường; Đoàn TN – Hội SV hỗ trợ sinh viên tìm kiếm nhà tuyển dụng.	Liên hệ chặt chẽ với trường để giới thiệu các chỗ ở, ký túc xá cho sinh viên. Hỗ trợ sinh viên tìm việc làm và kết nối với doanh nghiệp;
5	Dịch vụ tư vấn	Phòng Công tác sinh viên Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - HSSV đầu khóa; Tiếp nhận và xử lý các trường hợp khen thưởng và kỷ luật SV theo quy định; Tiếp nhận và cập nhật thông tin ngoại trú dành cho SV; Tổ chức, đánh giá kết quả rèn luyện SV theo quy định;	Liên hệ chặt chẽ với trường để tư vấn cho sinh viên Hướng dẫn sinh viên làm các thủ tục nhận khen thưởng, xử lý kỷ luật. Tiếp nhận và cập nhật thông tin ngoại trú dành cho SV; Tổ chức, đánh giá kết quả rèn luyện SV theo quy định;

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
		<p>Thực hiện các thủ tục cấp giấy xác nhận SV (hoãn nghĩa vụ quân sự) và các loại xác minh thông tin SV khác theo quy định;</p> <p>Thực hiện các thủ tục cấp phát thẻ SV;</p> <p>Thực hiện các thủ tục về BHYT-BHTN dành cho SV theo quy định;</p> <p>Tư vấn và chăm sóc sức khỏe sinh viên;</p> <p>Tổ chức Khám sức khỏe cho sinh viên;</p> <p>Phối hợp Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động, chương trình hội thảo, chuyên đề liên quan đến sức khỏe sinh viên;</p> <p>Phối hợp Trung tâm dịch vụ và Quản lý KTX trong vấn đề: vệ sinh trường học, phòng ngừa dịch bệnh.</p>	
6	Thư viện	Quản lý và cung cấp giáo trình, tài liệu tham khảo, nguồn học liệu với và hỗ trợ sinh viên mượn tài liệu học tập.	Xây dựng hệ thống thư viện, tài liệu học tập của khoa và giúp sinh viên dễ dàng truy cập và sử dụng, phục vụ cho mục đích học tập
7		<p>Trung tâm hỗ trợ sinh viên quốc tế</p> <p>Hỗ trợ sinh viên làm hồ sơ visa, hồ sơ đăng ký học tập và tạm trú tại Việt Nam;</p> <p>Phối hợp với khoa, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên hỗ trợ sinh viên học tập và giải quyết các vấn đề học vụ, đời sống trong quá trình học tập tại trường;</p> <p>Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa;</p> <p>Tổ chức các sự kiện văn hóa cho sinh viên quốc tế;</p> <p>Thực hiện công tác tuyển sinh sinh viên quốc tế hàng năm.</p> <p>- Thực hiện kế hoạch nhập học như chương trình lễ, viết hồ sơ, mua đồng phục, thẻ sinh viên cho Tân sinh viên</p>	<p>Khoa liên kết đào tạo với các trường quốc tế, hỗ trợ sinh viên học tập và giải quyết các vấn đề học vụ, đời sống trong quá trình học tập tại trường;</p> <p>Liên hệ chặt chẽ với trường để hỗ trợ và tư vấn cho sinh viên</p> <p>Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu, nghiên cứu khoa học và các cuộc thi học thuật giữa sinh viên trường và sinh viên quốc tế</p>

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
		<p>quốc tế;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp hồ sơ visa, trình các giấy tờ cho Ban Giám hiệu, hỗ trợ sinh viên làm hồ sơ Visa và đăng ký tạm trú tại Việt Nam web <i>xuatnhapcanh.gov.vn</i>; - Phối hợp với khoa, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên hỗ trợ sinh viên học tập và giải quyết các vấn đề học vụ, đời sống trong quá trình học tập tại trường; - Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa – văn nghệ - thể thao; - Tổ chức các sự kiện văn hóa cho sinh viên quốc tế như tết cổ truyền, ngày lễ Quốc khánh và tổ chức dã ngoại; - Phối hợp Trung tâm Dịch vụ và Quản lý KTX hỗ trợ chỗ ở an toàn, an ninh cho sinh viên quốc tế; 	

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1 Tóm tắt cấu trúc chương trình giảng dạy

- Kiến thức toàn khóa học: 130 tín chỉ (chưa bao gồm giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- Các khối kiến thức trong chương trình đào tạo được thể hiện ở Bảng 13.

Bảng 13. Các khối kiến thức và tín chỉ trong chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức		Tín chỉ	Tổng	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Tỉ lệ lý thuyết/Thực hành
I	Khối kiến thức tổng quát	Giáo dục đại cương	13	13	195	0	0%
		Khoa học cơ bản	20	20	240	120	200%
II		Khối kiến thức cơ sở ngành	34	34	420	60	700%
III		Khối kiến thức ngành/ chuyên ngành/ cốt lõi/ chuyên sâu	50	50	465	390	119%
IV		Khối kiến thức thực tập và trải nghiệm	6	6	0	180	0%
V		Đồ án / Khóa luận tốt nghiệp	7	7	0	210	0%
		Tổng cộng	130	130			

Các khối kiến thức được thiết kế đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện ở Bảng 14.

Bảng 15. Danh sách các học phần thuộc CTĐT ngành Thanh nhạc

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		13	195					
1	075580	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0	90		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2	30	0	60		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0	60	075581(a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	30	0	60		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	60	075583(a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
6	070023	Giáo dục thể chất	5	15	90	--		Mô phỏng/ thực hành	Bài thi thực hành
7	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8	77	72	--		Mô phỏng/ thực hành	Bài thi thực hành
8	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0			Lý thuyết	Bài thi tự luận
II	KHOA HỌC CƠ BẢN		20	240	120				
9	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi tự luận
10	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi tự luận
11	073513	Khởi nghiệp	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi tự luận

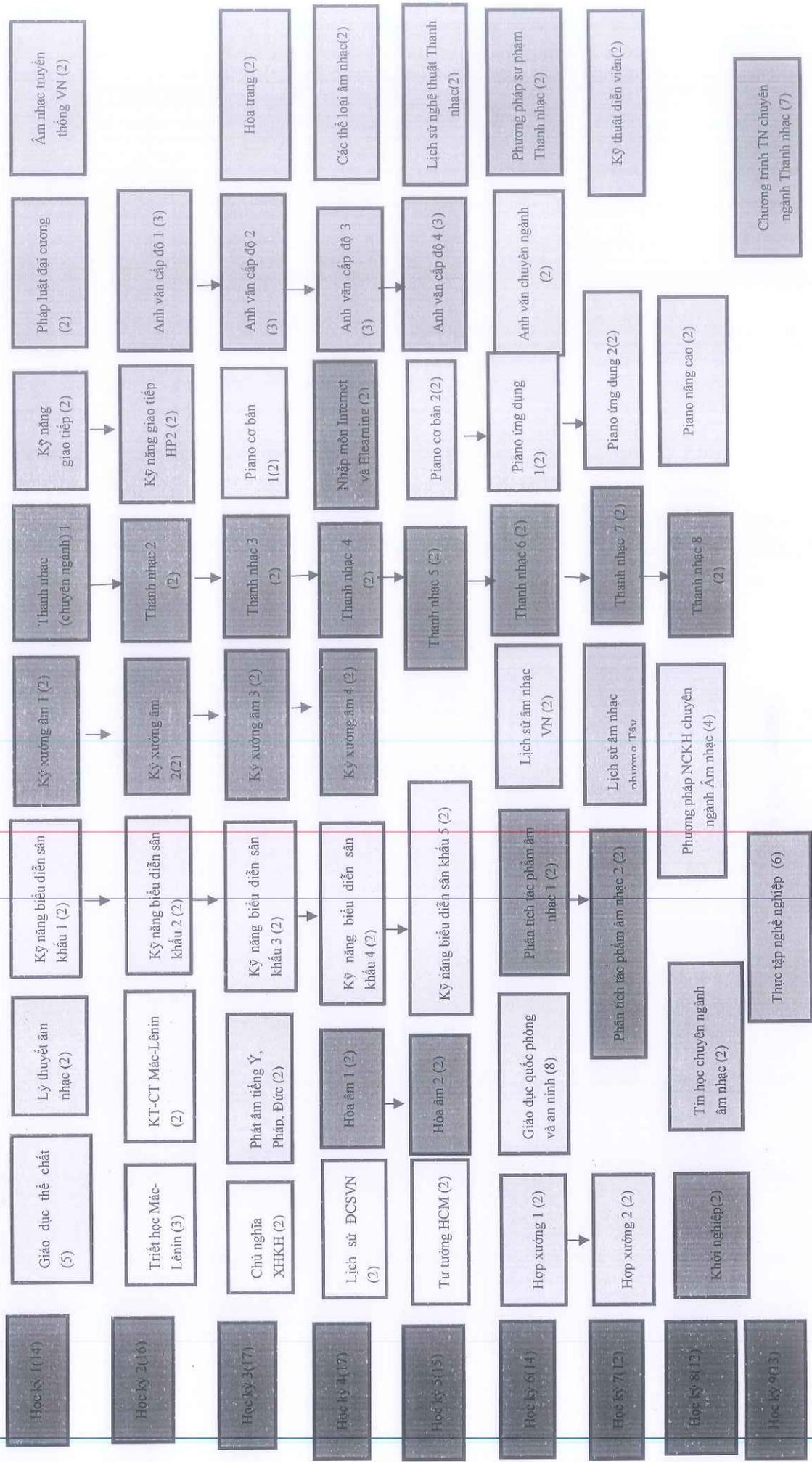
TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chi	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
12	074920	Nhập môn Internet và Elearning	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi tự luận
13	076721	Anh văn cấp độ 1	3	30	30	60		LT +TH	
14	076722	Anh văn cấp độ 2	3	30	30	60	076721(a)	LT +TH	
15	076723	Anh văn cấp độ 3	3	30	30	60	076722(a)	LT +TH	
16	076724	Anh văn cấp độ 4	3	30	30	60	076723(a)	LT +TH	
III	CƠ SỞ		34	480	60				
17	076401	Anh văn chuyên ngành	2	15	30	60		LT +TH	Bài thi thực hành
18	076400	Lý thuyết âm nhạc	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi tự luận
19	073173	Tin học chuyên ngành Âm nhạc	2	15	30	60		LT +TH	Bài thi thực hành
20	076403	Lịch sử âm nhạc Phương Tây	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi vấn đáp
21	073178	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi vấn đáp
22	077088	Phân tích tác phẩm âm nhạc 1	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi tự luận
23	077089	Phân tích tác phẩm âm nhạc 2	2	30	0	60	077088(a)	Lý thuyết	Bài thi tự luận
24	073205	Hợp xướng 1	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi thực hành
25	073206	Hợp xướng 2	2	30	0	60	073205(a)	Lý thuyết	Bài thi thực hành
26	073181	Ký xướng âm 1	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi vấn đáp

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
27	073189	Ký xướng âm 2	2	30	0	60	073181(a)	Lý thuyết	Bài thi vấn đáp
28	073190	Ký xướng âm 3	2	30	0	60	073189(a)	Lý thuyết	Bài thi vấn đáp
29	073191	Ký xướng âm 4	2	30	0	60	073190(a)	Lý thuyết	Bài thi vấn đáp
30	073182	Hòa âm 1	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi tự luận
31	073202	Hòa âm 2	2	30	0	60	073182(a)	Lý thuyết	Bài thi tự luận
32	076406	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi thực hành
33	073188	Các thể loại Âm nhạc	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi thực hành
IV	Cốt lõi ngành		50	510	480				
34	077091	Piano cơ bản 1	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi thực hành
35	077092	Piano cơ bản 2	2	30	0	60	077091(a)	Lý thuyết	Bài thi thực hành
36	077093	Piano nâng cao	2	30	0	60	077092(a)	Lý thuyết	Bài thi thực hành
36	077094	Piano ứng dụng 1	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi thực hành
38	077095	Piano ứng dụng 2	2	30	0	60	077094(a)	Lý thuyết	Bài thi thực hành

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
39	073192	Thanh nhạc (chuyên ngành) 1	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi thực hành
40	073193	Thanh nhạc 2	2	30	0	60	073192(a)	Lý thuyết	Bài thi thực hành
41	073194	Thanh nhạc 3	2	30	0	60	073193(a)	Lý thuyết	Bài thi thực hành
42	073195	Thanh nhạc 4	2	30	0	60	073194(a)	Lý thuyết	Bài thi thực hành
43	073196	Thanh nhạc 5	2	30	0	60	073195(a)	Lý thuyết	Bài thi thực hành
44	073197	Thanh nhạc 6	2	30	0	60	073196(a)	Lý thuyết	Bài thi thực hành
45	073198	Thanh nhạc 7	2	30	0	60	073197(a)	Lý thuyết	Bài thi thực hành
46	073199	Thanh nhạc 8	2	30	0	60	073198(a)	Lý thuyết	Bài thi thực hành
47	076407	Phát âm tiếng Ý, Pháp, Đức	2	15	30	60		LT+TH	Bài thi thực hành
48	077096	Phương pháp sư phạm Thanh nhạc	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi thực hành
49	073278	Kỹ năng biểu diễn sân khấu 1 (Vũ đạo)	2	0	60	60		Thực hành	Bài thi thực hành

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
50	073279	Kỹ năng biểu diễn sân khấu 2 (Vũ đạo)	2	0	60	60	073278(a)	Thực hành	Bài thi thực hành
51	073280	Kỹ năng biểu diễn sân khấu 3 (Vũ đạo)	2	0	60	60	073279(a)	Thực hành	Bài thi thực hành
52	073281	Kỹ năng biểu diễn sân khấu 4 (Vũ đạo)	2	0	60	60	073280(a)	Thực hành	Bài thi thực hành
53	073282	Kỹ năng biểu diễn sân khấu 5 (Vũ đạo)	2	0	60	60	073281(a)	Thực hành	Bài thi thực hành
54	073174	Phương pháp NCKH chuyên ngành Âm nhạc	4	30	60	60		LT+TH	Bài thi tự luận
55	073207	Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi thực hành
56	073208	Kỹ thuật diễn viên	2	0	60	60		Thực hành	Bài thi thực hành
57	076408	Hóa trang	2	15	30	60		LT+TH	Bài thi thực hành
V	THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM		6	0	180				
58	077097	Thực tập nghề nghiệp	6	0	180	120		Thực hành	Bài thi thực hành
VI	ĐỒ ÁN / KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP		7	0	210				
59	077098	Chương trình tốt nghiệp chuyên ngành Thanh nhạc	7	0	210	120		Thực hành	Bài thi thực hành
TỔNG			130						

2.4 Sơ đồ hóa lộ trình học tập (Hình 1)



2.5 Kế hoạch giảng dạy (Bảng 17)

Bảng 17. Kế hoạch học tập

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 1			14	
1	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	
2	070011	Pháp luật đại cương	2	
3	070023	Giáo dục thể chất*	5	
4	076400	Lý thuyết âm nhạc	2	
5	073192	Thanh nhạc (chuyên ngành) 1	2	
6	073278	Kỹ năng biểu diễn sân khấu 1 (vũ đạo)	2	
7	073181	Ký xướng âm 1	2	
8	076406	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	2	
HỌC KỲ 2			16	
1	075580	Triết học Mác -- Lê nin	3	
2	075581	Kinh tế chính trị Mác -- Lê nin	2	
3	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	070006(a)
4	073193	Thanh nhạc 2	2	073192(a)
5	073189	Ký xướng âm 2	2	073181(a)
6	076721	Anh văn cấp độ 1	3	
7	073279	Kỹ năng biểu diễn sân khấu 2 (vũ đạo)	2	073278(a)
HỌC KỲ 3			17	
1	076407	Phát âm tiếng Ý, Pháp, Đức	2	
2	073280	Kỹ năng biểu diễn sân khấu 3 (vũ đạo)	2	073279(a)
3	073190	Ký xướng âm 3	2	073181 (a)
4	073194	Thanh nhạc 3	2	073193 (a)
5	075582	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	075581 (a)
6	076722	Anh văn cấp độ 2	3	076721 (a)
7	077091	Piano cơ bản 1	2	
8	076408	Hóa trang	2	
HỌC KỲ 4			17	
1	075583	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
2	076723	Anh văn cấp độ 3	3	076722(a)
3	073281	Kỹ năng biểu diễn sân khấu 4 (vũ đạo)	2	073280(a)
4	073182	Hòa âm 1	2	
5	073191	Ký xướng âm 4	2	073190(a)
6	073195	Thanh nhạc 4	2	073194(a)
7	074920	Nhập môn Internet và Elearning	2	
8	073188	Các thể loại âm nhạc	2	
HỌC KỲ 5			15	
1	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075583(a)
2	073196	Thanh nhạc 5	2	073195(a)
3	076724	Anh văn cấp độ 4	3	076723(a)
4	073202	Hòa âm 2	2	073201(a)
5	077092	Piano cơ bản 2	2	077091(a)
6	073282	Kỹ năng biểu diễn sân khấu 5 (vũ đạo)	2	073281(a)
7	073207	Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc	2	
HỌC KỲ 6			14	
1	077094	Piano ứng dụng 1	2	073200(a)
2	073197	Thanh nhạc 6	2	073196(a)
3	076401	Anh văn chuyên ngành	2	
4	077096	Phương pháp sư phạm Thanh nhạc	2	
5	073178	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	
6	073205	Hợp xướng 1	2	
7	077088	Phân tích tác phẩm âm nhạc 1	2	
8	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8	
HỌC KỲ 7			12	
1	077089	Phân tích tác phẩm âm nhạc 2	2	077088(a)
2	073198	Thanh nhạc 7	2	073197(a)
3	073206	Hợp xướng 2	2	073205(a)
4	077095	Piano ứng dụng 2	2	077094(a)
5	076403	Lịch sử âm nhạc phương Tây	2	
6	073208	Kỹ thuật diễn viên	2	

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 8			12	
1	073173	Tin học chuyên ngành Âm nhạc	2	
2	073199	Thanh nhạc 8	2	073198(a)
3	077093	Piano nâng cao	2	077092(a)
4	073174	Phương pháp NCKH chuyên ngành Âm nhạc	4	
5	073513	Khởi nghiệp	2	
HỌC KỲ 9			13	
1	077097	Thực tập nghề nghiệp	6	
2	077098	Chương trình tốt nghiệp chuyên ngành Thanh nhạc	7	

2.6 Mô tả tóm tắt nội dung các học phần/môn học

2.6.1 Các học phần thuộc khối kiến thức tổng quát

1. Tên học phần: **Triết học Mác – Lê Nin. Số tín chỉ: 3**

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Nội dung học phần được cấu trúc thành ba phần, tương ứng với sáu bài học. Phần mở đầu khái lược về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Phần thứ hai: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. Tên học phần: **075581- Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin. Số tín chỉ: 2**

Nội dung: Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng với 6 chương. Trong đó, chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; chương 2, 3, 4, trình bày các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; chương 5, chương 6 nghiên cứu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quan hệ lợi ích kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

3. Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học. Số tín chỉ: 2**

Nội dung: Học phần **Chủ nghĩa xã hội khoa học** được xây dựng với 7 chương. Chương 1 trình bày về sự ra đời, các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ

chương hai đến chương bảy trình bày những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về: giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề gia đình. Thông qua học tập và nghiên cứu học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, người học hiểu được quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa, nhận thức rõ sứ mệnh của giai cấp công nhân trong quá trình giải phóng con người và xây dựng xã hội mới tốt đẹp hơn. Bên cạnh đó, nghiên cứu học phần sẽ góp phần khẳng định tính đúng đắn trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

4. Tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Học phần **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam** cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản và có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền giai đoạn (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước giai đoạn (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp những thông tin về đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng qua các thời kỳ lịch sử, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Học phần **Tư tưởng Hồ Chí Minh** bao gồm bảy chương học trong đó ngoài chương mở đầu và chương một trình bày các kiến thức tổng quan về đối tượng, phương pháp nghiên cứu cũng như khái niệm, nguồn gốc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh. Năm chương còn lại cung cấp cho người học những kiến thức một cách có hệ thống Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với vấn đề cụ thể của cách mạng Việt Nam đó là Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới. Thông qua học phần, người học có khả năng tự học tập và nghiên cứu, rèn luyện bản thân trở thành người có phẩm chất chính trị và đạo đức, sống có lý tưởng và nâng cao ý thức học tập suốt đời

6. Tên học phần: Giáo dục quốc phòng. Số tín chỉ: 8

Nội dung:

- * **HỌC PHẦN 1:** Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam
- * **HỌC PHẦN 2:** Công tác quốc phòng và an ninh

* **HỌC PHẦN 3:** Quân sự chung

* **HỌC PHẦN 4:** Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

7. Tên học phần: Giáo dục thể chất. Số tín chỉ: 5

Nội dung:

Học phần GDTC I: Bóng Chuyền

Môn Bóng Chuyền giúp cho người học nắm vững kiến thức kỹ thuật cơ bản trong quá trình tập luyện

Toàn bộ chương trình được cấu trúc gồm lý thuyết chung, lý thuyết môn học và nội dung thực hành cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản cho sinh viên cụ thể là:

- Lý thuyết: những tri thức cơ bản của môn Bóng Chuyền, luật Bóng Chuyền, các giai đoạn trong một trận đấu, phương pháp giảng dạy môn Bóng Chuyền
- Thực hành: phân tích các kỹ thuật cơ bản như: chuyền bóng(cao tay, thấp tay), phát bóng(cao tay, thấp tay), đập bóng.Đấu tập với nhau
- Thi kết thúc môn học

Học phần GDTC II: Bóng Đá

Môn Bóng Đá giúp cho người học nắm vững kiến thức kỹ thuật cơ bản trong quá trình tập luyện

Toàn bộ chương trình được cấu trúc gồm lý thuyết chung, lý thuyết môn học và nội dung thực hành cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản cho sinh viên cụ thể là:

- Lý thuyết: những tri thức cơ bản của môn Bóng Đá, luật Bóng Đá, các giai đoạn trong một trận đấu, phương pháp giảng dạy môn Bóng Đá
- Thực hành: phân tích các kỹ thuật cơ bản như: Đá bóng bằng lòng bàn chân, đá bóng bằng mu bàn chân, các hoạt động có bóng và không bóng
- Thi kết thúc môn học

8. Tên học phần: Kỹ năng giao tiếp. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Học phần “Kỹ năng giao tiếp” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tư duy giao tiếp xã hội và kỹ năng giao tiếp cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp xã hội. Người học nắm vững những vấn đề khoa học cơ bản về tâm lý giao tiếp và nguyên tắc giao tiếp có hiệu quả trong hoạt động thuyết trình, phỏng vấn xin việc làm chuyên nghiệp, phân tích đánh giá bản thân, để hình thành tính chủ động, năng động, tự tin trong quá trình lập nghiệp và học tập suốt đời. Biết vận dụng có hiệu quả các kỹ năng lắng nghe, ứng xử, điều hành, giải quyết vấn đề và kỹ năng sống trong giao tiếp khách hàng, đồng nghiệp thông qua các yếu tố ngôn ngữ nói, viết và ngôn ngữ cơ thể phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và môi trường xung quanh.

9. Tên học phần: Kỹ năng giao tiếp HP2. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Học phần **Kỹ năng giao tiếp (HP2)** nhằm định hướng cho Sinh viên về chiến lược quản trị cuộc đời và thông qua học phần này giới thiệu và hướng dẫn cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp chuyên sâu, những kỹ năng cần thiết đối với một công dân thời đại công nghệ 4.0. Hướng dẫn cho sinh viên ứng dụng các nguyên lý và kỹ năng được học vào việc giao tiếp trong cuộc sống và trong công việc, lập chiến lược để quản trị cuộc đời, công việc và học tập. Cụ thể, sinh viên sẽ biết vận dụng các kỹ năng để định vị bản thân xây dựng chiến lược để đạt được mục tiêu; Sinh viên biết vận dụng kỹ năng để giao tiếp hiệu quả trong việc viết E-mail, giao tiếp trong công việc, trong cuộc sống; Sinh viên biết vận dụng các kỹ năng để viết báo cáo công việc, báo cáo khoa học. Thông qua môn học này Sinh viên cũng sẽ được trang bị các kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và kỹ năng trả lời phỏng vấn xin việc làm chuyên sâu. Trong quá trình học, Sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng thông qua hệ thống bài tập mà Giảng viên cung cấp và trong quá trình học các kỹ năng, sinh viên sẽ được giao những bài tập thực hiện theo nhóm (tại lớp hoặc tại nhà) từ đó sẽ hiểu cách làm việc nhóm hiệu quả nhất cũng như cách giao tiếp tốt nhất trong nhóm.

10. Tên học phần: Nhập môn Internet và E-learning. Số tín chỉ: 2

Môn học "Nhập môn Internet và E-Learning" trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng về Internet, cách thức sử dụng các dịch vụ trên internet để phục vụ cho công tác học tập, nghiên cứu và tự học. Qua môn học này người học hiểu và vận dụng được hình thức học tập trực tuyến (E-Learning) để phục vụ cho việc tự học và tham gia các loại hình đào tạo qua môi trường Internet. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Luật An Ninh Mạng của Nhà nước nhằm trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về Luật An Ninh Mạng để hạn chế việc vi phạm trong quá trình học tập nghiên cứu qua môi trường Internet.

11. Tên học phần: Pháp luật đại cương. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên với các kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam và kiến thức nền tảng về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Nội dung học phần được thiết kế thành 6 chương, bao gồm: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước; Một số vấn đề cơ bản về pháp luật; Luật hiến pháp – Luật hành chính; Luật dân sự - Luật tố tụng dân sự; Luật lao động – Luật hôn nhân và gia đình; Luật hình sự - Luật tố tụng hình sự - Luật phòng chống tham nhũng. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng như tư duy phản biện và sáng tạo. Thông qua môn học, sinh viên còn có thể rèn luyện về ý thức tuân thủ pháp luật trong công việc và cuộc sống.

12. Tên học phần: Anh văn cấp độ 1 (AV1). Số tín chỉ: 3

Nội dung: Anh văn Cấp độ 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best A2 Book A (60 tiết) và học online với nội dung do

Trung tâm ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ dưới trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

13. Tên học phần: Anh văn cấp độ 2 (AV2). Số tín chỉ: 3

Nội dung: Anh văn Cấp độ 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best A2 Book B (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ dưới trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

14. Tên học phần: Anh văn cấp độ 3 (AV3). Số tín chỉ: 3

Nội dung: Anh văn Cấp độ 3 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best B1 Book A (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

15. Tên học phần: Anh văn cấp độ 4 (AV4). Số tín chỉ: 3

Nội dung: Anh văn Cấp độ 4 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best B1 Book B (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm Ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

16. Tên học phần: Khởi Nghiệp. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng xây dựng động cơ khởi nghiệp tích cực, khám phá ý tưởng và xây dựng kế hoạch khởi nghiệp. Nhận diện được khó khăn và cách thức vượt khó để phát triển công ty khởi nghiệp

2.6.2 Các học phần thuộc khối kiến chuyên ngành

1. Tên học phần: Phát âm tiếng Ý, Pháp, Đức. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Học phần phát âm tiếng Ý, Pháp, Đức là môn học rèn luyện cho sinh viên về kỹ năng phát âm cơ bản của các ngôn ngữ này, trong đó gồm các nội dung: phát âm nguyên âm, phụ âm; cách nhấn trọng âm, diễn đạt ngữ điệu trong các loại câu: trần thuật, cảm than, câu hỏi, câu nghi vấn ... nhằm mục đích giúp người học đạt được những yêu cầu cũng như tạo điều kiện thuận lợi để phát huy được tối đa khả năng giọng hát của mình trong thể hiện những tác phẩm chuyên ngành Thanh nhạc như: Romance, Melodie, Lied, Chanson, Aria,...

2. Tên học phần: Hóa trang. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Môn học giúp sinh viên biết cách trang điểm, hiểu về làn da của mình, biết sử dụng các công cụ làm đẹp. Hóa trang khi lên sân khấu, làm diễn viên (đóng bất kỳ nhân vật nào), sự kiện, cuộc sống hàng ngày. Một môn học rất bổ ích và thú vị, phù hợp với mọi đối tượng, mọi hoàn cảnh.

3. Tên học phần: Lịch sử âm nhạc phương Tây. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về lịch sử âm nhạc Phương Tây từ thời nguyên thủy đến thời kỳ cận – hiện đại, trong đó có các nội dung cơ bản như : khái quát về các giai đoạn và tiến trình hình thành và phát triển nền âm nhạc Phương Tây; nội dung tư tưởng; phương pháp nghệ thuật, những thành tựu âm nhạc ở từng thời kỳ; giới thiệu tác giả, tác phẩm, thể loại âm nhạc điển hình của giai đoạn âm nhạc.

Nội dung học phần bao gồm các chương như sau :

Âm nhạc thời kỳ Nguyên thủy – cổ đại

Âm nhạc thời kỳ Trung cổ

Âm nhạc thời kỳ Phục Hưng

Âm nhạc thời kỳ Baroque

Âm nhạc thời kỳ Cổ điển

Âm nhạc Thời kỳ Lãng mạn

Âm nhạc cuối Thế kỷ XIX đầu Thế kỷ XX

Âm nhạc kinh viện thế kỷ XX

4. Tên học phần: Piano cơ bản 1,2. Số tín chỉ: 4

Nội dung: Sinh viên Thanh nhạc làm quen với bộ môn Piano thông qua những kiến thức cơ bản. Giảng viên sẽ hướng dẫn cách sử dụng đàn, luyện ngón, hợp âm và luyện những bài tập cơ bản.

5. Tên học phần: Piano ứng dụng 1,2. Số tín chỉ: 4

Nội dung: Học phần Piano (phổ thông dành cho chuyên ngành Thanh nhạc) bao gồm 3 học phần bắt buộc và 1 học phần tự chọn. Đây là học phần thực hành, giúp người học có điều kiện thực hành nhạc cụ có âm thanh ổn định (tiêu chuẩn) theo hệ thống bình quân luật phương Tây. Người học được cung cấp những kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong diễn tấu đàn

Piano nhằm giúp người học có thể vận dụng kiến thức để luyện thanh, vỡ bài đối với môn chuyên ngành (thanh nhạc), thực hành hòa thanh trên đàn, phân tích âm nhạc, ... Đặc biệt, học phần giúp người học có thể đệm ca khúc ở mức độ dễ, đồng thời có thể sử dụng kỹ thuật diễn tấu trong những hoạt động học tập ở bậc học cao hơn, công tác, giảng dạy ...

6. Tên học phần: Piano nâng cao. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Học phần này giúp sinh viên nâng cao khả năng đệm Piano, có thể tự chơi được nhiều bản nhạc khó, vừa đệm vừa hát. Đáp ứng mọi nhu cầu sau khi tốt nghiệp, sinh viên Thanh nhạc có thể giảng dạy Piano chuyên nghiệp.

7. Tên học phần: Lịch sử âm nhạc Việt Nam. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về diễn trình lịch sử âm nhạc Việt Nam và giới thiệu một số thể loại âm nhạc, tác giả, tác phẩm ... tiêu biểu qua các thời kỳ. Chương trình bao gồm các phần : Âm nhạc Thời Hưng Vương, âm nhạc thời Bắc thuộc và chống Bắc thuộc: âm nhạc thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ (Lý – Trần – Lê Nguyễn); Âm nhạc thế kỷ XX ...

Chương trình cũng có những nội dung giới thiệu diễn trình âm nhạc với sự kết nối với tình hình xã hội – chính trị và một số thể loại nghệ thuật âm nhạc để có một cái nhìn toàn diện đối với nghệ thuật âm nhạc.

8. Tên học phần: Âm nhạc Truyền thống Việt Nam. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các thể loại trong âm nhạc truyền thống Việt Nam, giúp cho người học có hiểu biết nền tảng về các thể loại âm nhạc truyền thống, nắm được những đặc trưng mang tính bản sắc của âm nhạc Việt Nam và có thể ứng dụng vào chuyên ngành, hát những bài dân ca Việt Nam...

Học phần Âm nhạc truyền thống Việt Nam được giới thiệu trong chương gồm :

- Đại cương (dẫn nhập) Âm nhạc truyền thống Việt Nam
- Các thể loại nhạc hát dân gian (dân ca)
- Những thể loại âm nhạc trong những nghi lễ đời người của dân tộc Việt
- Các hình thức âm nhạc chuyên nghiệp trong dân gian
- Âm nhạc sân khấu truyền thống
- Âm nhạc cung đình
- Âm nhạc thính phòng
- Nhạc khí dân tộc ...

9. Tên học phần: Lý thuyết âm nhạc. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành Âm nhạc, sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản về nhạc lý, lý thuyết âm nhạc. Học xong học phần sinh viên có thể đọc được nốt nhạc, phân biệt được giọng, dấu hóa, nhịp, phách, ...

10. Tên học phần: Ký xướng âm 1, 2, 3, 4. Số tín chỉ: 8

Nội dung: Ký xướng âm (còn gọi là “Đọc – ghi nhạc”) là một trong những môn học quan trọng, đầu tiên và bắt buộc đối với bất cứ người học nhạc. Đối với sinh viên Thanh nhạc, Ký xướng âm còn là môn học hết sức cần thiết, là cơ sở cho việc học tập, tiếp thu, nhận thức và thể hiện tác phẩm âm nhạc. Môn học còn giúp cho sinh viên tiếp thu và nhận thức cũng như cảm nhận được những kiến thức âm nhạc từ các học phần khác như Hòa âm, Phúc điệu, Lịch sử âm nhạc, Hình thức nhạc, Thể loại âm nhạc, Phân tích tác phẩm, Hợp xướng, Piano ... và nhất là môn chuyên ngành Thanh nhạc.

Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ sở, kỹ thuật đọc, xướng âm các tác phẩm âm nhạc từ giọng không dấu hóa đến 2 dấu hóa; các loại nhịp đơn giản (nhịp đơn và nhịp kép) đến nhịp phức tạp, nhịp khả biến; các giai điệu thuộc các điệu thức khác nhau; các thể loại âm nhạc khác nhau ...

Môn học giúp cho người học có thể nhận thức được tính chất, nội dung tác phẩm; để có những cảm xúc cũng như cảm nhận được hình tượng âm nhạc ngay từ trên bản phổ của tác phẩm.

11. Tên học phần: Hòa âm 1 và 2. Số tín chỉ: 4

Nội dung: Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ sở, kỹ thuật phối hòa âm 4 bè cho giai điệu hoặc phần nền cho trước; tuy nhiên, phân nghe, phân tích hòa âm sẽ là cốt lõi của nội dung mà người học cần nắm vững để phục vụ cho nguyên ngành. Đây là phần lý thuyết then chốt, cơ sở cho các thể loại âm nhạc chủ điệu.

Học phần giúp cho người học có thể nhận thức được tính chất, nội dung tác phẩm; để có những cảm xúc cũng như cảm nhận hình tượng âm nhạc ngay từ trên bản phổ của tác phẩm.

12. Tên học phần: Các thể loại âm nhạc. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Học phần cung cấp cho người học những khái niệm chung nhất về loại hình và các loại hình tác phẩm âm nhạc, gắn liền với thực tế sản sinh ra nó và những đặc trưng của mỗi thể loại. Học phần giúp cho người học có thể nhận thức được tính chất, nội dung tác phẩm; để có những cảm xúc cũng như cảm nhận được hình tượng âm nhạc đối với mỗi tác phẩm. Từ đó, giúp cho sinh viên các chuyên ngành âm nhạc có thể dễ dàng hiểu được và thể hiện đúng tính chất, nội dung tác phẩm.

13. Tên học phần: Phân tích tác phẩm âm nhạc 1 và 2. Số tín chỉ: 4

Nội dung: Môn học hình thành tư duy âm nhạc, hỗ trợ tích cực cho việc tiếp cận tác phẩm âm nhạc ngay từ trên bản phổ và hết sức cần thiết cho người học nhạc. Môn học còn giúp cho sinh viên tiếp thu và nhận thức cũng như cảm nhận được tác phẩm âm nhạc và có mối liên hệ trực tiếp với những học phần khác nhau như Xướng âm, Hòa âm, phúc điệu, Lịch sử âm nhạc, Hình thức – Thể loại âm nhạc, Hợp xướng, Piano ... và nhất là môn chuyên ngành Thanh nhạc.

Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ sở về hình thức âm nhạc, chủ yếu là các hình thức một đoạn đơn, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn, phương pháp phân tích chùm ca khúc, các tác phẩm thể loại Thanh nhạc khác.

14. Tên học phần: Thanh nhạc (chuyên ngành – gồm các nhóm học phần từ 1-8). Số tín chỉ: 16

Nội dung: Học phần Thanh nhạc nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật cơ bản về nghệ thuật Thanh nhạc Châu Âu kinh viện, trong đó, chủ yếu là các kỹ thuật: hơi thở, khẩu hình, vị trí âm thanh; phương pháp chuyển giọng, thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau ... để có thể hiện tốt nhất các tác phẩm thanh nhạc một cách nghệ thuật và chuyên nghiệp.

Trên cơ sở những kiến thức về kỹ thuật thanh nhạc, người học vận dụng vào cả bài luyện thanh(vocalize), các bài hát ở các mức độ khác nhau. Mức độ dễ khó được xác định theo âm vực của giọng hát, thể hiện tiết tấu, giai điệu, sắc thái, tình cảm nghệ thuật trên tác phẩm âm nhạc.

Với các mức độ kỹ thuật khác nhau, độ khó khác nhau, người học nắm được những vấn đề kỹ thuật, những phương pháp và có khả năng thực hành – biểu diễn các tác phẩm âm nhạc như : Aria, Romance, tổ khúc, ca khúc, dân ca ... ở các hình thức đơn ca, song ca, tốp ca, hợp xướng ...

15. Tên học phần: Hợp xướng 1, 2. Số tín chỉ: 4

Nội dung: Học phần giúp người học tiếp thu và nhận thức cũng như cảm nhận và thực hành được những kiến thức cơ bản về nghệ thuật thanh nhạc trong hình thức hát hợp xướng : tính chất các giọng, các bè, cách phân bè, các loại hợp xướng, ... và nhất là làm quen , thực hành các kỹ thuật hát (lấy hơi, hát ngắt, hát liền tiếng, hát rời tiếng, thể hiện sắc thái, cường độ, ...) trong hình thức hát hòa giọng bốn bè.

16. Tên học phần: Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Học phần có nội dung là sự đúc kết, rút kinh nghiệm cũng như định hướng phát triển nền nghệ thuật Thanh nhạc chuyên nghiệp thế giới và ở mỗi quốc gia. Học phần giúp người học có những kiến thức về chuyên ngành của mình. Học phần cung cấp những kiến thức về phong cách, những sáng tạo của nghệ thuật biểu diễn Thanh nhạc; những lý luận cơ bản về phương pháp tiếp cận – nghiên cứu nghệ thuật Thanh nhạc ở phương diện lịch đại; những nội dung, hình thức chủ yếu của nghệ thuật biểu diễn Thanh nhạc; đặc biệt là vai trò của nghệ thuật Thanh nhạc trong xã hội.

17. Tên học phần: Kỹ thuật diễn viên. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Môn Kỹ thuật diễn viên là một hệ thống bài tập từ đơn giản đến phức hợp mà sinh viên phải tự rèn luyện thường xuyên mới đạt được thành kỹ năng, thấm nhuần trong mỗi động tác và thể hiện “sống động” trên sân khấu. Học phần bao gồm những kiến thức

cơ bản về phương pháp biểu hiện, quy tắc thực hành của sân khấu; phát triển kỹ thuật diễn xuất nội tâm và hình thể; phát triển khả năng tưởng tượng trong hoạt động biểu diễn của diễn viên thích ứng với mỗi hoàn cảnh; thể hiện được sự giải phóng cơ thể khi hát và diễn ...

18.Tên học phần: Phương pháp sư phạm Thanh nhạc. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Phương pháp Sư phạm Thanh nhạc cung cấp một cách hệ thống cơ sở lý luận về phương pháp dạy học Thanh nhạc, phương pháp học hát trên cơ sở những kỹ thuật thanh nhạc thuộc các trường phái trên thế giới. Từ đó, người học vận dụng một cách phù hợp để hướng dẫn giải thích, thị phạm, đánh giá – nhận xét và tìm ra cách để giúp người học đạt được những kỹ thuật thanh nhạc ở mức độ cần thiết.

Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận – phương pháp dạy học Thanh nhạc, bao gồm : hơi thở, khẩu hình, phân loại giọng, vị trí âm thanh, tiêu chuẩn âm thanh sau vị trí âm thanh, phương pháp biên soạn giáo án giảng dạy; phương pháp tiếp cận từng đối tượng sinh viên và cách giải quyết cho mỗi trường hợp, mỗi vấn đề nảy sinh từ người học trong quá trình thực hiện bài học; phương pháp đánh giá sinh viên trong quá trình giảng dạy và kiểm tra, ...

19.Tên học phần: Kỹ năng biểu diễn sân khấu (Vũ đạo) 1, 2, 3, 3, 4, 5. Số tín chỉ: 10

Nội dung: Nhảy freestyle là 1 phong cách Nhảy hiện đại hay sử dụng các động tác nhảy pha trộn, thường là theo âm nhạc, nó đơn giản chỉ là chuyển động theo âm nhạc . Trong những lí do chính có nhiều người thích nhảy freestyle là bởi vì phong cách này cho phép họ làm những gì họ thích ngay lập tức. Họ có thể thỏa sức làm những gì mình muốn mà không phải lo lắng đến việc mình đang làm đúng hay sai, vì trong freestyle không có gì là bị cấm đoán cả. Mặc dù khi nói đến nhảy freestyle, nhiều người sẽ ngay lập tức nghĩ đến phong cách nhảy trên đường phố hoặc tại các quán bar, trên thực tế các dancer sử dụng các kĩ thuật ngẫu hứng và sáng tạo trong rất nhiều các thể loại nhảy khác nhau. 1 vài ví dụ cụ thể là jazz, belly dance, hiphop, blues, popping hay locking .. Nhảy hiện đại tập trung vào sức nặng và trọng lượng trái ngược hẳn hoàn toàn với ba-lê môn học chỉ chú trọng vào ánh sáng và cảm giác nhẹ nhàng. Nhảy hiện đại tập trung tập trung chủ yếu vào việc “co lại và thả lỏng” của cơ khớp như là một nguyên tắc chính của múa hiện đại. Đó cũng là những gì làm cho điệu nhảy hiện đại trông rất dẻo dai và linh hoạt.

20.Tên học phần: Anh văn chuyên ngành. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Học phần anh văn chuyên ngành là môn học rèn luyện cho sinh viên về kỹ năng phát âm tiếng anh trong Âm nhạc. Qua đó giúp người học nắm được những thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh như choir, musician, melody, harmony,.... Sinh viên có thể vận dụng được kiến thức đã học để thể hiện được những bài hát tiếng Anh yêu thích và đạt hiệu quả.

21. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu Khoa học chuyên ngành Âm nhạc. Số tín chỉ: 4

Nội dung: Phương pháp nghiên cứu Khoa học là khoa học về nghiên cứu, cũng là khoa học về phương pháp. Với khái niệm “phương pháp luận”(methodology); Phương pháp nghiên cứu khoa học là bộ môn được đưa vào giảng dạy tại hầu hết các chương trình bậc Đại học trên thế giới, nhất là các nước phương Tây và Bắc Mỹ.

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, những kiến thức cơ sở trong công việc nghiên cứu khoa học như: khái niệm nghiên cứu khoa học; phân loại nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu khoa học và những bước tiến hành trong nghiên cứu; hình thức trình bày, cấu trúc một báo cáo – công trình khoa học, ...

22. Tên học phần: Tin học chuyên ngành Âm nhạc. Số tín chỉ: 2

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về chuyên ngành như phần mềm hỗ trợ sao chép nốt nhạc, những từ ngữ chuyên ngành.. Hiện nay có rất nhiều ứng dụng tin học trong lĩnh vực âm nhạc. Sau khi học phần kết thúc sinh viên có thể ứng dụng vào thực tế rất nhiều.

23. Tên học phần: Thực tập nghề nghiệp. Số tín chỉ: 6

Nội dung: Thực tập nghề nghiệp đối với sinh viên Thanh nhạc là thực hành tổng hợp các nội dung đang đào tạo của chương trình đào tạo chuyên ngành. Sinh viên được thực hành trên cơ sở tổng hợp các kiến thức và kỹ năng đã học dưới hình thức biểu diễn: đơn ca, tốp ca, trích đoạn hợp xướng,... trong các chương trình biểu diễn, các hoạt động ngoại khóa hoặc chương trình biểu diễn phục vụ xã hội.

Học phần Thực tập nghề nghiệp bao gồm các nội dung chi tiết như sau:

- Thực hành kỹ thuật biểu diễn với hình thức hát đơn ca
- Thực hành kỹ thuật biểu diễn với hình thức hát song ca
- Thực hành kỹ thuật biểu diễn với hình thức hát tốp ca
- Thực hành kỹ thuật biểu diễn với hình thức hát hợp xướng

24. Tên học phần: Chương trình tốt nghiệp chuyên ngành Thanh nhạc. Số tín chỉ: 7

Nội dung: Học phần Thực tập tốt nghiệp là chương trình ôn tập – học nâng cao dưới sự hướng dẫn của giảng viên chuyên ngành để người học hoàn thiện các tác phẩm thanh nhạc thuộc chương trình thi tốt nghiệp. Chương trình thể hiện sự hoàn thiện kỹ thuật Thanh nhạc, thể hiện các tác phẩm một cách nhuần nhuyễn, chuyên nghiệp, đáp ứng đầu ra của chương trình đào tạo.

3. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1 Đối sánh chuẩn đầu ra (Bảng 18)

Bảng 18. Bảng đối sánh chuẩn đầu ra

STT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Văn Lang	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Sài Gòn	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Nghệ thuật âm nhạc của Trường ĐH Akron	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Juilliard	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm đặc trưng, điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐH NTT)
1	Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, công nghệ, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành Thanh nhạc	Có kiến thức cơ bản về Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó xây dựng tinh thần yêu nước, phẩm chất chính trị	Sinh viên cần tích lũy các kiến thức nền tảng cơ sở như Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Pháp luật đại cương, Tiếng Anh, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh, Nghệ thuật học đại cương, Tin học Âm nhạc.	Chương trình được thiết kế để giúp sinh viên tiếp thu kiến thức, kỹ năng và thái độ đóng góp cho sự hiểu biết của bản thân và thế giới. Phát huy hiệu quả trong việc đáp ứng các thách thức nghề nghiệp, đánh giá phạm vi và độ sâu của kiến thức và kinh nghiệm.	Sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức về văn hóa, chính trị, xã hội, học nhiều ngôn ngữ khác nhau.	Về kiến thức chung thì trường ĐH NTT đều có những môn giống các trường đào tạo nghệ thuật trong nước. Để so sánh với trường nước ngoài thì mình nên bỏ một số môn chung không cần thiết để tập trung cho chuyên môn nhiều hơn.

STT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Văn Lang	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Sài Gòn	KQHTMĐ Chương trình đào tạo âm nhạc của Trường ĐH Akron	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Juilliard	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm đặc trưng, điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐH NTT)
2	Phân tích được các thể loại Âm nhạc, thị trường Âm nhạc một cách dễ dàng.	Được trang bị những kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật, mối liên hệ giữa nghệ thuật và tôn giáo; chính sách nghệ thuật của Đảng và Nhà nước Việt Nam;	Sinh viên cần nắm vững kiến thức chính của ngành qua các môn học chuyên ngành như Nhạc cụ Organ, Piano, Thanh nhạc chuyên ngành, Lý luận âm nhạc, Chỉ huy hợp xướng, Lý thuyết âm nhạc cơ bản, Lịch sử âm nhạc thế giới, Múa, Hình thể, Kĩ thuật hát hợp xướng, Lịch sử âm nhạc Việt Nam, Hát dân ca, Nhập môn sáng tác, Lịch sử Opera, Phân tích tác phẩm, Hòa thanh, Kỹ xướng âm, Kỹ thuật diễn viên, Kỹ thuật hóa trang, Nghệ thuật nói trước công chúng, Dàn dựng chương trình nghệ thuật	Khả năng sáng tạo.	Được học từ cơ bản đến nâng cao. Nhạc nhẹ cũng như cổ điển	Trường NTT đáp ứng được khả năng chuyên môn của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn rất nhiều thứ cần học hỏi từ các trường nước ngoài.

STT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Văn Lang	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Sài Gòn	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Nghệ thuật âm nhạc của Trường ĐH Akron	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Juilliard	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm đặc trưng, điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐH NTT)
3	Sáng tạo những động tác mới trong các buổi biểu diễn nhằm đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ và truyền thông trong Âm nhạc.	Hiểu biết về pháp luật cơ bản, luật bản quyền và luật bảo vệ môi trường	tổng hợp, Kiến thức Âm nhạc tổng hợp, Đọc tổng phổ hợp xướng, Phối hợp xướng, Thanh nhạc chuyên ngành nâng cao.	Khả năng suy nghĩ phê phán, trừu tượng hóa, phân tích tổng hợp và đánh giá.	Đào tạo để trở trình nghệ sĩ tương lai.	Tương đồng với các trường trong và ngoài nước về sự sáng tạo và khả năng biểu diễn sân khấu.
4	Áp dụng kiến thức cơ bản về Âm nhạc, cách truyền tải thông tin qua tác phẩm, để dàng xử lý, đánh giá kết quả một cách đầy đủ và chính xác sau mỗi học kỳ chuyên môn.	Kỹ năng biểu diễn: Thuận thực biểu diễn, có bản lĩnh sân khấu, nhay bén xử lý tình huống trong biểu diễn; nhạc nhẹ...	Biết tổ chức các hoạt động âm nhạc ở các trường, các cấp học. Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp.	Đánh giá cao kinh nghiệm nghệ thuật và biểu diễn.	Có kiến thức về âm nhạc, văn hóa của các nước phương Tây	Trường NTT quan tâm đến kết quả học tập cũng như kiến thức đạt được.

STT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Văn Lang	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Sài Gòn	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Nghệ thuật âm nhạc của Trường ĐH Akron	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Juilliard	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm đặc trưng, điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐH NTT)
5	Giao tiếp trong đa dạng bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau một cách linh hoạt	Kỹ năng tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật: phân tích nội dung, hình thức các tác phẩm âm nhạc; Có kỹ năng sư phạm: có thể tham gia giảng dạy Thanh nhạc tại các cơ sở đào tạo. Có trình độ ngoại ngữ tương đương 450 TOEIC;	Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.	Hiểu biết về lịch sử và văn hóa	Nghiên cứu sâu hơn về môn chuyên ngành, đặc biệt là cổ điển và soạn nhạc.	Trường NTT quan tâm đến kỹ năng giao tiếp trong đa dạng bối cảnh.
6	Sáng tạo trong phong cách và kỹ năng biểu diễn sân khấu đạt hiệu quả cao.	Có trình độ kỹ năng sử dụng Tin học với trình độ cơ bản theo quy định theo chuẩn Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng	Biết giao tiếp ứng xử với đồng nghiệp.	Đánh giá cao kinh nghiệm nghệ thuật và biểu diễn	Sử dụng các ngôn ngữ để giao tiếp và áp dụng vào chuyên ngành	Trương đồng với các trường trong và ngoài nước về sự sáng tạo và khả năng biểu diễn sân khấu.

STT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Văn Lang	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Sài Gòn	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Nghệ thuật âm nhạc của Trường ĐH Akron	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Juilliard	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cùng đặc trưng, điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐH NTT)
		3 năm 2014 Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin				
7	Lập kế hoạch làm việc cá nhân, làm việc nhóm một cách khoa học	Có kỹ năng làm việc nhóm, xây dựng và tạo mối quan hệ tốt với đối tác;	Phương pháp dàn dựng chương trình tổng hợp. Phương pháp dàn dựng hợp xướng.	Khả năng suy nghĩ phê phán, trừu tượng hóa, phân tích tổng hợp và đánh giá	Nâng cao kỹ năng thực hành	Chú trọng đến cách làm việc độc lập, chủ động.
8	Hoàn thành các tác phẩm Thanh nhạc theo yêu cầu chuyên môn của từng học kỳ đề ra.	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau;	Thực hành hát đơn và hát tập thể. Hát các tác phẩm dân ca và romance, các tác phẩm truyền thống, trường ca và Aria nhỏ.	Hiểu biết về văn hóa, lịch sử âm nhạc phương Tây.	Đề cao sự sáng tạo cá nhân trong việc học nhóm	Phù hợp với các trường trong và ngoài nước.
9	Kết hợp với các loại nhạc cụ để tạo ra những tác phẩm Thanh nhạc	Có năng lực tư duy, sáng tạo trong các tình huống	Ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các thiết bị hiện đại.	Nhận thức về ngôn ngữ và cách sử dụng.	Tổ chức các buổi hội thảo chuyên môn nhằm nâng cao kỹ năng, sáng tạo và	Sinh viên trường NTT được thực hành với nhạc cụ và có thể sáng tạo theo cách riêng

STT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Văn Lang	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Sài Gòn	KQHTMĐ Chương trình đào tạo âm nhạc của Trường ĐH Akron	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Juilliard	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm đặc trưng, điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐH NTT)
	hoàn chỉnh nhằm đem lại sự giải trí lành mạnh.				phát triển nghề nghiệp.	
10	Tham gia hoạt động nghệ thuật tích cực với sự đam mê, chủ động và luôn tự tin trên con đường biến ước mơ thành hiện thực	Có năng lực lập kế hoạch điều phối; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình	Có đạo đức, ý thức trách nhiệm, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	Hiểu biết về lịch sử và văn hóa	Luôn ý thức đề phát triển nghề nghiệp.	Đáp ứng được các tiêu chuẩn đạo đức, tương đồng với các trường đào tạo nghệ thuật.
11	Tuân thủ pháp luật và các chuẩn mực đạo đức trong các tình huống kỹ thuật phù hợp với bối cảnh thực tế.	Có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với đơn vị, công ty. Có tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc và đạo đức nghề nghiệp đúng	Đoàn kết, hợp tác giúp đỡ đồng nghiệp.	Mong muốn khả năng học tập suốt đời.	Luôn ý thức đề phát triển nghề nghiệp.	Tương đồng tuân thủ pháp luật và hoàn thiện bản thân

STT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Văn Lang	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Sài Gòn	KQHTMB	KQHTMD	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐH NTT)
12	Thích ứng với sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.	đần. Có lòng say mê nghề nghiệp Có ý thức tổ chức kỷ luật; có ý chí phấn đấu trong nghề nghiệp và trong cuộc sống.	Có tinh thần cầu tiến. Có quan điểm, thái độ lao động khoa học, nghiêm túc.	Hiểu biết các vấn đề về kinh tế, chính trị.	Ý thức việc vi phạm bản quyền	Tương đồng tuân thủ pháp luật và hoàn thiện bản thân

3.2 Đối sánh chương trình đào tạo

3.2.1 Đối sánh các chương trình đào tạo (Bảng 19)

Bảng 19. Bảng đối sánh các chương trình đào tạo (trong nước)

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Văn Lang	CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Sài Gòn	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐH NTT)
	Tổng số tín chỉ	130 tín chỉ /3 năm	125 tín chỉ/ 4 năm	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)				Chuyên ngành Thanh nhạc của trường ĐH Nguyễn Tất
Đại cương	13 tín chỉ	37 tín chỉ	27 tín chỉ	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Văn Lang	CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Sài Gòn	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm đặc trưng, điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐH NTT)
Khoa học cơ bản	20 tín chỉ			Thành có sự khác biệt là sinh sau mỗi học kỳ đều được biểu diễn sân khấu. Sinh viên được học cá nhân 1 thầy / 1 trò trong 8 học kỳ Thanh nhạc.
Cơ sở ngành	34 tín chỉ	6 tín chỉ	7 tín chỉ	
Chuyên ngành/ cốt lõi ngành/ chuyên sâu	50 tín chỉ	84 tín chỉ	90 tín chỉ	
Tốt nghiệp	13 tín chỉ	22 tín chỉ	8 tín chỉ	
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)				
Phương pháp giảng dạy/ học tập		Tập trung		
Phương pháp đánh giá				
Các đối sánh khác (nếu có)				

Bảng đối sánh các chương trình đào tạo (nước ngoài)

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Juilliard	CTĐT ngành Nghệ thuật Âm nhạc của Trường ĐH Uakron	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm đặc trưng, điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐH NTT)
Tổng số tín chỉ	130 tín chỉ /3 năm	170 tín chỉ/ 4 năm	135 tín chỉ/4 năm	Có sự chênh lệch về số tín chỉ
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)				Ở nước ngoài thời gian đào tạo vẫn là 4 năm còn trường ĐH Nguyễn Tất Thành học 3 năm
Đại cương	13 tín chỉ	Năm 1: 47 tín chỉ	Năm 1: 36 tín chỉ	
Khoa học cơ bản	20 tín chỉ	Năm 2: 46 tín chỉ	Năm 2: 31 tín chỉ	
Cơ sở ngành	34 tín chỉ	Năm 3: 40 tín chỉ	Năm 3: 36 tín chỉ	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Juilliard	CTĐT ngành Nghệ thuật Âm nhạc của Trường ĐH Uakron	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm đặc trưng, điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐH NTT)
Chuyên ngành/ cốt lõi ngành/ chuyên sâu	50 tín chỉ	Năm 4: 36 tín chỉ	Năm 4: 32 tín chỉ	Về nội dung chương trình thì giống khoảng 30%
Tốt nghiệp	13 tín chỉ			
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)				
Phương pháp giảng dạy/ học tập		Tập trung		
Phương pháp đánh giá				
Các đối sánh khác (nếu có)				

3.2.2 Đối sánh cùng chương trình đào tạo với các phiên bản trước đó (Bảng 20)

Bảng 20. Bảng đối sánh các phiên bản khác nhau của cùng chương trình đào tạo ngành

Nội dung đối sánh	Khóa 2017	Khóa 2020	Khóa hiện tại	Nhận xét (Cần nêu rõ phần nào được cải tiến, các điểm khác biệt của chương trình hiện tại)
Tổng số tín chỉ	136 tín chỉ / 4 năm	137 tín chỉ / 3 năm	130n chỉ / 3 năm	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)				
Đại cương	40 tín chỉ	41 tín chỉ	13 tín chỉ	
Khoa học cơ bản			20 tín chỉ	
Cơ sở ngành	36 tín chỉ	36 tín chỉ	34 tín chỉ	
Chuyên ngành/cốt lõi ngành/chuyên sâu	52 tín chỉ	52 tín chỉ	50 tín chỉ	- Khóa 22 giảm số tín chỉ so với các khóa trước. Cụ thể giảm các môn đại cương. Không có môn tự chọn và tăng cường tín chỉ thực tập và tốt nghiệp.

Nội dung đối sánh	Khóa 2017	Khóa 2020	Khóa hiện tại	Nhận xét (Cần nêu rõ phần nào được cải tiến, các điểm khác biệt của chương trình hiện tại)
Tốt nghiệp	8 tín chỉ	8 tín chỉ	13 tín chỉ	
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)	Không	Không	Không	
Phương pháp giảng dạy/học tập				
Phương pháp đánh giá				
Các đối sánh khác (nếu có)				

4. ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bộ đề cương học phần của chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc được ban hành kèm theo chương trình đào tạo này.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 5.1 Chương trình đào tạo ngành Nghệ thuật âm nhạc, trường ĐH Akron (Mỹ);
- 5.2. Chương trình đào tạo Thanh nhạc trường ĐH Juilliard (Mỹ);
- 5.3. Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc của trường ĐH Văn Lang
- 5.4. Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc của trường ĐH Sài Gòn.
- 5.5 .Khung trình độ quốc gia Việt Nam
- 5.6 Bộ chương trình đánh giá đào tạo AUN.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Ai Lâm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy